TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 198/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hà

***Thư ký phiên họp*:** Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 289/2025/TLST-VLD ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 162/2025/QĐST-VLĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đoàn Thị D, sinh năm: 1991; địa chỉ thường trú: Khóm B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH S, địa chỉ: Khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Công ty TNHH P1; địa chỉ: T số 66, tờ bản đồ số B4 (DC15), khu phố B, phường T, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của bà Đoàn Thị D trình bày: Do có nhu cầu thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội, bà Đoàn Thị D có đến liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện theo quy định. Sau đó, bà D được cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thông báo rằng trong thời gian từ

tháng 06/2009 đến tháng 08/2009, bà D có ký hợp đồng lao động tại Công ty TNHH S và đóng bảo hiểm xã hội dưới tên bà Đoàn Thị D với mã số 7409203424. Từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012, bà D có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P1, đóng bảo hiểm xã hội dưới tên bà Đoàn Thị D với mã số 7410168166.

Tuy nhiên, khi tra soát lại dữ liệu cá nhân vào khoảng thời gian nêu trên (từ tháng 6/2009 đến tháng 8/2009) và thời điểm từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2012, thực tế bà D không làm việc tại Công ty TNHH S cũng như Công ty TNHH P1, mà bà D làm việc tại Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật P. Do thời gian đã lâu, bà D không nhớ và không hiểu vì sao các cá nhân khác lại có thông tin Giấy chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động với hai công ty nêu trên.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S và Công ty TNHH P1 với người mượn danh nghĩa của bà D là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động lấy thông tin Chứng minh nhân dân dưới danh nghĩa của bà Đoàn Thị D với Công ty TNHH S và Công ty TNHH P1 trong khoảng thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 08/2009 và từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012 là vô hiệu hoàn toàn. Bà Đoàn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S: Quá trình tố tụng Toà án đã thông báo thụ lý, triệu tập người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S có mặt tại Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị D, tham gia phiên họp giải quyết việc lao động, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P1: Quá trình tố tụng Toà án đã thông báo thụ lý, triệu tập người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P1 có mặt tại Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị D, tham gia phiên họp giải quyết việc lao động, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P1 4vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu – Thành phố Hồ Chí Minh, trình bày: Qua kiểm tra dữ liệu hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, đối với thông tin họ tên bà Đoàn Thị D, sinh ngày 02/8/1991, số Chứng minh nhân dân 37146395, CCCD 091191003749, có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại các mã số sau:

Mã số 7409262664: được Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật Pro-Concepts tham gia BHXH, BHTN dưới tên bà Đoàn Thị D từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2021 và từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2024; đã được BHXH

cơ sở Lái Thiêu bảo lưu sổ, chưa nhận BHXH một lần và đã nhận trợ cấp thất nghiệp.

Mã số 7410168166: được Công ty TNHH P1 tham gia BHXH, BHTN dưới tên bà Đoàn Thị D từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2012; đã được BHXH cơ sở Tân Uyên bảo lưu sổ, chưa nhận BHXH một lần và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp.

Mã số 7409203424: được Công ty TNHH S tham gia BHXH, BHTN dưới tên bà Đoàn Thị D từ tháng 6/2009 đến tháng 8/2009; đã được BHXH cơ sở Tân Uyên bảo lưu sổ, chưa nhận BHXH một lần và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: xét thấy yêu cầu của bà Đoàn Thị D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu là bà Đoàn Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có đơn xin giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH S và Công ty TNHH P1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Qua văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thể hiện bà Đoàn Thị D, sinh ngày 02/8/1991, số CMND 37146395, CCCD 091191003749, có quá trình tham gia BHXH, BHTN ở các mã số: 7410168166 tại Công ty TNHH P1 từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2012; 7409203424 tại Công ty TNHH S từ tháng 6/2009 đến tháng 8/2009, chưa nhận BHXH một lần và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp. Ngoài ra, còn có mã số 7409262664 tại Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật Pro-Concepts từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2021 và từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2024.

[2.2] Xét thấy, dữ liệu trên cho thấy trong cùng một thời điểm, hệ thống BHXH ghi nhận: từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2012, bà D vừa tham gia tại Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật P và Công ty TNHH P1; từ tháng 6/2009 đến tháng 8/2009, bà D vừa tham gia tại Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật P và Công ty TNHH S. Trong khi đó, bà D khai trên thực tế bà chỉ làm việc tại Công ty TNHH V lạng mỏng ghép hình nghệ thuật P. Như vậy, có căn cứ xác định thông tin tham gia BHXH tại Công ty TNHH S và Công ty TNHH P1 là không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012 về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *"Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn*

trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết."

Theo khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*."

Theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*."

Theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động vô hiệu khi: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.*"

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động: "… *Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc 'trung thực' theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ*…"

Do đó, có cơ sở xác định việc người lao động lấy hồ sơ cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH theo sổ BHXH số 7409203424 từ tháng 06/2009 đến tháng 08/2009 tại Công ty TNHH S và theo sổ BHXH số 7410168166 từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012 tại Công ty TNHH P1 là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị D về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lấy thông tin của bà với Công ty TNHH S (sổ BHXH số 7409203424) và Công ty TNHH P1 (sổ BHXH số 7410168166) là vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về việc xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "… *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*." Chấp nhận yêu cầu của bà D và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn từ tháng 06/2009 đến tháng 08/2009 và Công ty TNHH P1 từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012 là người lao động đã lấy thông tin của bà Đoàn Thị D, không phải bà Đoàn Thị Diễm . Bà D

và người lao động đã lấy thông tin của bà có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đoàn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đoàn Thị Diễm .

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị D với Công ty TNHH S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409203424) bị vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị D với Công ty TNHH P1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410168166) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409203424 và 7410168166 không phải là bà Đoàn Thị D, sinh năm 1991, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 091191003749. Bà Đoàn Thị D và người lao động lấy thông tin về Giấy chứng minh nhân dân của bà D được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đoàn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0011257 ngày 26/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát

cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND khu vực 16 - TPHCM;
- Phòng THA DS khu vực 16-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư; hồ sơ việc lao đông.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hà